

Chú Giải Ký Hiệu Được Dùng Trong Bản Tham Khảo

Bản Tham Khảo dùng ¹ ký hiệu để giúp cho uỷ ban chuyển ngữ có sự chọn lựa trong tiến trình chuyển ngữ. Có ba nguyên tắc cho những sự chọn lựa đó:

- (1) Bản dịch phải được chính xác, có nghĩa là, nó phải được truyền đạt cùng một ý nghĩa mà chính tác giả muốn nói, và phải rõ ràng (hay không rõ ràng) như ý của chính tác giả.
- (2) Bản dịch phải được tự nhiên, có nghĩa là, văn phạm và những thành ngữ trong ngôn ngữ của người đọc cần được sử dụng một cách thích hợp để cho người đọc hiểu dễ dàng và nghe được tự nhiên.
- (3) Bản dịch phải được chấp nhận bởi người sử dụng, có nghĩa là, dịch theo ý của nguyên bản chứ không dịch theo từng chữ một và không được tự do vượt ra ngoài ý mà chính tác giả muốn nói lên.

Có **bốn** ký hiệu chính được dùng trong Bản Tham Khảo là:

1. { ⇔ } Giúp cho người dịch có nhiều cách khác nhau để diễn tả ý nghĩa của một từ hay một nhóm từ trong một bản văn Hy-lạp. Chỉ được chọn một cách để dùng cho một bản dịch. Một **mũi tên hai đầu** phân biệt các sự chọn lựa này. Trong tất cả các sự chọn lựa chúng tôi đã cố gắng viết chúng xuống một cách tự nhiên trong tiếng Việt. Sự **chọn lựa đầu tiên** là câu theo sát với từ ngữ Hy-lạp nhất, tức là, có sự cấu trúc và từ vựng được dùng rất gần với bản Hy-lạp và luôn luôn giải thích ý nghĩa ² các thành ngữ trong bản Hy-lạp là gì. **Các sự chọn lựa khác** được viết ra để cho thấy có nhiều cách chuyển ngữ khác nhau của đoạn kinh văn khó chuyển ngữ. Tại mỗi { ⇔ } người chuyển ngữ nên dùng các bước sau đây để chọn cách tốt nhất diễn tả ý của đoạn kinh văn trong ngôn ngữ của họ:

- a. Nếu cách chuyển ngữ theo sát từ ngữ trong bản Hy-lạp truyền thông được đúng ý nghĩa VÀ nghe tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, đó là sự chọn lựa tốt nhất. (Nếu cách dịch-theo-từng-chữ làm cho ý nghĩa trong bản dịch của bạn khác với ý của nguyên bản mà chính tác giả muốn đề cập đến thì sự chọn lựa đầu tiên KHÔNG NÊN dùng). Nếu không thể dùng được cách chuyển ngữ sát nghĩa, tiếp tục với bước b.
- b. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có một hình thái từ hay một cách nào khác tự nhiên hơn để diễn tả cùng một ý nghĩa của câu đầu tiên, hãy dùng thành ngữ

¹ **Các ký hiệu** là các biểu tượng và dấu hiệu có ý nghĩa. Ký hiệu là cách truyền thông một điều gì một cách ngắn và gọn. Thí dụ một câu hay một đoạn thường được dùng có thể được thay thế bằng một ký hiệu để truyền thông cùng một ý mà câu hay đoạn đó muốn nói. Vì Bản Tham Khảo (BTK) dùng các ký hiệu, mỗi trang chỉ cần một vài lời chú thích. Một trong những **lợi ích lớn nhất** của việc dùng ký hiệu là khả năng nhận ra một cách nhanh chóng **các vấn đề chuyển ngữ trong ngữ cảnh**. Khi dùng ký hiệu như vậy sẽ **đỡ tốn thì giờ** của người chuyển ngữ để tìm hiểu ý nghĩa của đoạn kinh văn và các nan đề của việc chuyển ngữ, nhưng nó cũng khiến cho các người chuyển ngữ **rất cần** phải học các ký hiệu được dùng trong BTK.

² Về định nghĩa của “**các thành ngữ**”, các từ và các nhóm từ quan trọng khác hãy xem **Danh Sách Từ Ngữ** ở phần cuối của sách này.

hay cách đó. Nếu ³bản Hy-lạp dùng một thành ngữ ở trong câu đầu tiên, cố gắng dùng một hình thái từ trong ngôn ngữ của bạn. Nếu ngôn ngữ của bạn không dùng một thành ngữ để diễn tả ý nghĩa của cả đoạn kinh văn được, nên chuyển ngữ ý nghĩa bằng cách nói thẳng, có thể dùng cách giống như cách thứ nhì hay thứ ba. Hãy chuyển ngữ một cách tự nhiên để cho sứ điệp được chính xác và rõ ràng. Nếu có nhiều cách nghe tự nhiên thì cách gần giống ý của câu đầu tiên là tốt nhất.

2. / Tương tự như { ⇔ } ở trên, ngoại trừ ký hiệu “/” **chỉ được chọn một chữ trong hai.**

3. () Những điều nằm trong ký hiệu này là những **thông tin được hàm ý** (tức là thông tin được truyền thông qua bản Hy-lạp nhưng không được viết hẳn ra). Chỉ khi nào cần tránh cho người đọc khỏi hiểu sai ý của tác giả trong nguyên bản Hy-lạp hay lời văn thiếu tự nhiên thì những **thông tin được hàm ý** sẽ được viết ra trong bản dịch của bạn. Nói một cách khác **tốt nhất là không viết những thông tin được hàm ý** ra trong bản dịch của bạn nếu làm như vậy mà vẫn truyền thông được sứ điệp một cách chính xác và tự nhiên. Nếu không bạn có thể viết những hàm ý xuống. Ban chuyển ngữ có thể quyết định để một số thông tin hàm ý trong lời chú thích ở cuối trang thay vì ở trong bản dịch. Một số bản dịch in hàm ý *bằng chữ nghiêng* hay giữa hai ngoặc vuông. Những người chuyển ngữ khác không đánh dấu ý được hàm ý hay chỉ đôi khi mới đánh dấu.

() Ký hiệu này cũng được dùng trong ba cách khác nữa: (1) Được dùng trong đoạn kinh văn để cho biết câu Kinh Thánh hay đoạn Kinh Thánh được trích dẫn ở trong Cựu Ước. Một số ban chuyển ngữ quyết định để địa chỉ (số của câu và đoạn Kinh Thánh được trích dẫn ở trong Cựu Ước trong bản dịch của bạn) sát theo sau câu Kinh Thánh được trích dẫn, một số ban chuyển ngữ khác để trong lời chú thích ở cuối trang, một số khác nữa không đánh dấu ở đâu cả. (2) Nó cũng được dùng trong việc chú thích bên lề để cho thấy một phần của đoạn Kinh Thánh tương tự được gạch dưới giống nhau ở những chỗ khác trong Kinh Thánh (hãy xem Ma-thi-ơ 3:17 làm thí dụ). (3) Các ký hiệu này được dùng trong các đề tài và chủ đề cho các thông tin tùy thích.

4. < > Dùng cho những thông tin rõ ràng (được viết ra) trong bản Hy-lạp, nhưng nghe **tự nhiên hơn** nếu ý này được để **hàm ý** (tức là không viết rõ ra) trong bản dịch tiếng Việt. Bao gồm thông tin đó có thể nghe tự nhiên hay nghe không tự nhiên khi được chuyển ngữ sang một thứ tiếng khác. Người chuyển ngữ nên quyết định xem có nên để ý đó vào bản dịch của mình hay không.

Phần **còn lại** của những ký hiệu được dùng ở trong Bản Tham Khảo là:

5. (()) Được dùng để chỉ một loại **thông tin hàm ý** đặc biệt khác với loại thông tin hàm ý được nói ở trên phần số 3 ở trên. Hầu hết các người chuyển ngữ sẽ **không** bao gồm thông tin này trong bản dịch, vì thiếu nó không làm cho sai ý nghĩa, chỉ không được đầy đủ ý nghĩa giống như các đọc giả đầu tiên đã hiểu. Tuy nhiên, người chuyển ngữ có thể muốn để thông tin được hàm ý này vào để thêm sự hiểu biết cho đồng hương của họ. Đa số những người đó để thông tin được hàm ý trong lời chú thích ở cuối trang, không phải ở ngay trong bản văn. Tuy nhiên, có một số ít người sẽ để ở trong bản dịch. Thường có một **Lời Chú Thích ở cuối trang được đề nghị** được để gần (()).

³ Nếu bạn muốn biết **cấu trúc trong văn bản Hy-lạp** trong BTK, chọn câu đầu tiên ở trong mỗi { ⇔ } và tại mỗi /, bao gồm thông tin trong < >, và bỏ qua thông tin ở trong () và (()).

Nội dung của **Lời Chú Thích** có thể được dùng thay vì viết rõ thông tin được hàm ý đó vào trong bản dịch.

6. [] Cho thấy **sự khác biệt trong cách viết** của các bản thảo Hy-lạp, những sự khác biệt này cũng có hoặc không có trong **Bản Hy-lạp của Thánh Kinh Hội** (Bản Hy-lạp được đa-số bản dịch tiếng Anh dùng) và/hay ⁴**Văn Bản Hy-lạp Đa Số**. (Hãy xem Danh Sách Từ Ngữ). Trong Bản Tham Khảo những phần kinh văn ở ngoài [] được chuyển ngữ theo Văn Bản Hy-lạp của Thánh Kinh Hội. **Những chỗ khác biệt trong cách viết** - của các văn bản Hy-lạp được các ủy ban chuyển ngữ giải quyết - một cách khác nhau. Nếu có một khác biệt trong cách viết được đưa vào trong đa số hay hầu hết các bản thảo chính thì có nhiên ban chuyển ngữ đưa sự khác biệt đó vào trong bản dịch của họ. Điều đó thật là đúng cho những sự khác biệt có liên hệ đến cho những đơn vị lớn như trong nhiều câu hay cả đoạn. Ủy ban chuyển ngữ có thể chọn hoặc để câu **khác biệt trong cách viết** đó vào trong ngoặc vuông [], hay để trong một dấu nào khác, hay không dùng cách nào cả. Họ có thể muốn hay không muốn để những sự khác nhau khác không được để trong bản dịch vào trong một lời chú thích ở cuối trang. Nếu sự khác biệt này chỉ có trong một số ít bản thảo, đa số các ủy ban chuyển ngữ **không** để vào trong bản dịch hay trong lời chú thích ở cuối trang ngoại trừ một vài trường hợp rất hiếm có. Ở mỗi [] tốt hơn nên xem bản dịch trong tiếng quốc ngữ nói gì.
7. Một **số nhỏ** đánh dấu sự bắt đầu của bản văn được giải thích hay bình luận trong lời chú thích ở cuối trang. Lời chú thích ở cuối trang có cùng một số với số ở trong bản dịch. Nếu cùng một vấn đề xảy ra nhiều lần trong một câu hay trong những câu kế tiếp, chỉ có lần đầu tiên là có **Lời Chú Thích ở cuối trang**. Trường hợp này xảy ra rất nhiều với **GTK** và trong { ⇔ }.
8. * (được dùng với **gạch dưới**) cho thấy ở bên cạnh lề có địa chỉ của một câu Kinh Thánh ở một chỗ khác trong Tân Ước có cùng một từ vựng với phần kinh văn được gạch dưới theo sau *. Điều này giúp cho ban chuyển ngữ những đoạn này một cách nhất quán. Có tất cả bốn gạch dưới-hàng trên cùng cho câu Kinh Thánh ở trong Ma-thi-ơ, hàng thứ hai cho Mác, hàng thứ ba cho Lu-ca và hàng thứ bốn cho Giăng. Đường gạch dưới bị đứt quãng cho thấy là tại điểm đó đoạn kinh văn khác với đoạn kinh văn tương tự được để ở trong lề (cũng hãy xem số 11 kế tiếp).
9. + (dùng với **gạch dưới**) giúp cho người chuyển ngữ thấy có một chỗ đứt quãng nhỏ trong đường gạch dưới. Đoạn kinh văn tương tự được trích dẫn trong lề có những chữ không có ở đây trong đoạn kinh văn có ký hiệu + .
10. ^{TVST} Cho thấy là bản Hy-lạp dùng một nhóm từ **trái với sự thật (giả định)** ở tại điểm này. Một ^{TVST} nhóm từ mệnh đề nói lên một việc trái ngược lại với những gì đã thật sự xảy ra. Thí dụ câu nói: “Đáng lẽ tôi phải đi” hàm ý “tôi đã không đi”. Trong một

⁴ **Textus Receptus** (là theo văn bản mà Tân Ước King James dựa theo) thường giống **Văn Bản Hy-lạp Đa Số**, vì vậy nó thường chỉ nói đến trong lời chú thích ở cuối trang khi nó giống như Văn Bản của Thánh Kinh Hội và khác với Văn Bản Hy-lạp Đa Số. Không phải tất cả sự khác biệt giữa Textus Receptus và Văn Bản Hy-lạp Đa Số được đề cập đến, đặc biệt là khi Văn Bản của Thánh Kinh Hội và Văn Bản Hy-lạp đa số giống nhau nhưng lại khác với Textus Receptus. Muốn biết thêm về các văn bản này xin xem trong **Danh Sách Từ Ngữ** ở phía sau của sách này.

số ngôn ngữ cần phải nói rõ thông tin được hàm ý, thí dụ “Đáng lẽ tôi phải đi, nhưng tôi đã không đi”.

11. **GTK** cho thấy rằng các học giả Kinh Thánh có các **sự giải thích khác nhau** của đoạn kinh văn theo sau ký hiệu **GTK**. Sự giải thích thông thường nhất là sự **lựa chọn đầu tiên**. Các sự giải thích khác được để theo thứ tự giảm dần. Lời chú thích ở cuối trang sẽ cho bạn biết mỗi sự giải thích là được hầu hết, nhiều, một số, một vài hay rất ít học giả Kinh Thánh hỗ trợ. Tùy theo ủy ban chuyển ngữ có thể xử với các cách giải thích một cách khác nhau. Thông thường, không phải luôn luôn, sự giải thích được **hầu hết** các học giả ủng hộ là sự giải thích tốt nhất để trong **kinh văn**. Các ủy ban có thể quyết định để các sự giải thích chính khác ở trong **lời chú thích ở cuối trang**, đặc biệt là các sự giải thích được **nhiều** học giả ủng hộ. Hay họ có thể quyết định không để các cách giải thích nào khác vào lời chú thích ở cuối trang. Đôi khi các học giả vô tình **chia phe đều nhau ủng hộ một số giải thích**. Trong những trường hợp này, chỉ một cách giải thích được để trong bản dịch, còn những sự giải thích khác được để trong lời chú thích ở cuối trang. Sự giải thích chỉ được **một số** học giả ủng hộ có thể được hay không được để vào trong lời chú thích ở cuối trang tùy theo sự quyết định của ủy ban chuyển ngữ cho mỗi trường hợp. Sau hết, các sự giải thích được **một vài** hay **rất ít** học giả ủng hộ **thường dứt khoát không được để** trong bản dịch, mặc dù có thể trong một số ít đoạn văn, ủy ban chuyển ngữ quyết định để những sự giải thích như vậy vào trong một lời chú thích ở cuối trang. Rất ít khi ủy ban chuyển ngữ có thể quyết định là sự giải thích chỉ được một số, một vài hay rất ít học giả ủng hộ là sự giải thích đúng để bỏ vào bản dịch. Trong những trường hợp hiếm như vậy sự giải thích khác được nhiều học giả ủng hộ phải được để vào lời chú thích ở cuối trang. Tại mỗi **GTK** nên xem lại xem bản dịch trong chữ quốc ngữ và các sách giải nghĩa Kinh Thánh nói gì về vấn đề này.
12. **NTT** Cho thấy là trong ngôn ngữ của bạn có thể cần có một ⁵**đối thoại trực tiếp** thay vì một đối thoại gián tiếp được dùng tại điểm này trong bản Hy-lạp.
13. **NGT** Cho thấy rằng trong ngôn ngữ của bạn có thể cần phải có một **đối thoại gián tiếp** thay vì một đối thoại trực tiếp được dùng tại chỗ này trong bản Hy-lạp.
14. **CH** Ký hiệu này cho thấy câu hỏi sau đây là một **câu hỏi tu từ/câu hỏi không cần câu trả lời** trong văn bản Hy-lạp. Một câu hỏi tu từ thường được dùng để ra một mệnh lệnh, một lời tuyên bố hay một lời yêu cầu một cách gián tiếp, với mục đích để nhấn mạnh hay làm dịu câu nói, cũng như để diễn tả một tình cảm như là thất vọng, không chấp nhận/chỉ trích, giận dữ, vui mừng, ngạc nhiên hay kinh ngạc. Sự sử dụng hay không sử dụng câu hỏi tu từ tùy thuộc vào thái độ của người nói muốn **lễ phép/lich sự** tới độ nào đối với những khán giả của ông. Nếu chuyển ngữ câu hỏi tu từ sẽ bị hiểu lầm là một câu hỏi thật, thì có thể tốt nhất là: (1) để người hỏi tự trả lời câu hỏi; hay (2) dùng một mệnh lệnh, một lời tuyên bố hay yêu cầu thay vì một câu hỏi. Một số các ngôn ngữ ít dùng các câu hỏi tu từ hơn là tiếng Hy-lạp, một số ngôn ngữ khác dùng tương tự hay nhiều hơn văn bản Hy-lạp. Trong khi chuyển ngữ hãy nhớ như vậy, để bạn có thể làm thế nào nghe cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu hỏi tu từ thường chấm dứt với **?/!** để giúp cho người chuyển ngữ quyết định hoặc

⁵ Về định nghĩa của “**lời đối thoại trực tiếp**” và những từ quan trọng khác hãy xem ở trong **Danh Sách Từ Ngữ** ở phía sau của sách này. Một số ngôn ngữ có nhiều hơn một loại đối thoại trực tiếp hay gián tiếp.

dùng câu hỏi tu từ, một câu tuyên bố hay một mệnh lệnh để truyền thông ý nghĩa của câu một cách tốt nhất trong ngôn ngữ của bạn.

15. ***TD*** Đánh dấu một chỗ trong kinh văn khi câu Kinh Thánh trong Bản Tham Khảo được **thay đổi thứ tự** của các mệnh đề trong văn bản Hy-lạp để có thể truyền thông ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Thứ tự của câu đó trong văn bản Hy-lạp được để vào trong lời chú thích ở cuối trang và có thể là thứ tự bạn muốn dùng cho một bản dịch.
16. **LỜI CHÚ THÍCH ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ:** Đề nghị một lời chú thích ở cuối trang mà người chuyển ngữ có thể đưa vào trong bản dịch để giúp đỡ người đọc hiểu về những thời đại của Kinh Thánh hơn. Nếu có được những thông tin về văn hóa và các thông tin quan trọng khác trong lời chú thích ở cuối trang, thì người đọc sẽ có thể hiểu biết về lời Chúa sâu đậm hơn. Lời chú thích giúp cho người chuyển ngữ tránh được sự nguy hiểm về hiểu sai ý nghĩa của quá nhiều những thông tin được hàm ý ở trong bản dịch. Một lý do nữa để dùng lời chú thích là Kinh Thánh có thể là quyển sách duy nhất có các thông tin đó nên khó cho người ta có thể học biết về thông tin này bằng một cách nào khác. Lời chú thích còn giúp cho người đọc học về những phong tục tập quán qua các thời đại của Kinh Thánh và những thông tin quan trọng khác nếu nó ở trên cùng một trang hơn là ở trong một quyển sách riêng biệt khác. Đứng ra những người đọc có thể phải học để biết rõ lời chú thích ở cuối trang không phải là một phần trong bản kinh văn chính, nhưng điều này không khó học và sự giúp ích của các thông tin này rất dồi dào. Để giúp cho sự phân biệt lời chú thích ở cuối trang với phần kinh văn chính, bản dịch có thể dùng một hay hai hàng kẻ chia hai phần ra, lời chú thích có thể được in với mặt chữ nhỏ hơn phần kinh văn. Nên bắt đầu lời chú thích bằng số câu để người đọc có thể so sánh lời chú thích với văn bản một cách dễ dàng. Đa số người chuyển ngữ không dùng tất cả những **LỜI CHÚ THÍCH ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ** trong bản dịch của họ. Đôi khi chỉ cần chuyển ngữ một phần của lời chú thích. Nhà xuất bản thường giới hạn số lời chú thích có thể có trong một bản dịch—tốt hơn nên biết số lời chú thích được giới hạn (nếu có) trước khi chuyển ngữ xa hơn.
17. **HÌNH ẢNH ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ:** Đề nghị hình ảnh mà ủy ban chuyển ngữ có thể muốn để vào trong phần kinh văn tại một chỗ nào đó. Đa số các bản dịch không dùng tất cả những hình ảnh được đề nghị. Phải để hình rải rác trong suốt Tân Ước để các hình ảnh không tụm lại một chỗ.
18. **Gạch Dưới:** Hãy xem số 10 và 11 ở trên. Ký hiệu này chỉ được dùng ở trong các sách Phúc Âm.